TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ Lệ.

2. Bà Trần Kim Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ka Phu – Thư ký Tòa án.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2025/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/QĐST- DS ngày 16 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997 (Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản M). Địa chỉ: số B, ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Phan Kỳ D, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1983. Địa chỉ: số H, ấp G, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Phan Kỳ D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Phi H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, trong quá trình giải quyết vụ án và theo đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là bà Phan Kỳ D trình bày:

Ngày 28/3/2023 ông H và Hộ kinh doanh M do bà Nguyễn Thị Thanh T làm chủ bắt đầu ký kết hợp đồng mua bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn

hiệu Việt H1, G cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản khi thu tôm ông H phải có nghĩa vụ thanh toán công nợ phát sinh trong vụ nuôi cho hộ kinh doanh M. Đến ngày 19/3/2024 ông H bắt đầu lấy thức ăn và thuốc về phục vụ việc nuôi tôm. Sau khi thu tôm xong ông H không tất toán được công nợ phát sinh trong vụ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã ngưng giao dịch với ông H vào ngày 27/6/2024 với tổng số tiền công nợ là 58.036.000 đồng. Tuy nhiên, hộ kinh doanh M vẫn hỗ trợ cho ông H thanh toán theo trả nợ dần. Từ thời điểm ngưng giao dịch là ngày 27/6/2024 đến nay, sau nhiều lần bà T1 đã yêu cầu ông H thanh toán khoản nợ nói trên nhưng ông H không có thiện chí thanh toán số tiền công nợ là 58.036.000 đồng. Do ông H đã vi phạm hợp đồng gây thiệt hại về tài sản cho hộ kinh doanh M. Nay bà T1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Phi H thanh toán cho bà T1 tổng số tiền cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc là 58.036.000 đồng.

- Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 27/7/2024 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng trên số tiền 58.036.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Nguyễn Phi H vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Phi H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Kỳ D có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phi H, bà Phan Kỳ D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phi H trả số tiền nợ trong quá trình mua bán thuốc, hóa chất, thức ăn nuôi tôm là 58.036.000 đồng căn cứ vào Hợp đồng mua bán ngày 28/3/2023 giữa Hộ kinh doanh M do bà Nguyễn Thị Thanh T làm chủ và ông Nguyễn Phi H; Bản đối chiếu công nợ ngày 27/6/2024 giữa H2 kinh doanh Cửa Hàng M và ông Nguyễn Phi H. Về phía bị đơn ông Nguyễn Phi H, tuy suốt quá trình giải quyết vụ án ông H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các thông báo ông H tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn không đến Tòa giải quyết vụ án để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng phía bà Nguyễn Thị Thanh T đã chứng minh được ông H còn nợ số tiền mua thức ăn, thuốc, hóa chất, vật tư nuôi trồng thuỷ sản là 58.036.000 đồng, căn cứ vào Hợp đồng mua bán ngày 28/3/2023 giữa Hộ kinh doanh M do bà Nguyễn Thị Thanh T làm chủ và ông Nguyễn Phi H; Bản đối chiếu công nợ ngày 27/6/2024 giữa Hộ kinh doanh M và ông Nguyễn Phi H mà phía bà T đã cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ mà bà T cung cấp được, về phía ông H trong suốt thời gian giải quyết vụ án đều không đến Tòa tham gia giải quyết xem như đã mặc nhiên thừa nhận và từ bỏ quyền phản bác của mình đối với yêu cầu khởi kiện và

chứng cứ chứng minh của Hộ kinh doanh M. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh M đối với bị đơn ông Nguyễn Phi H về việc yêu cầu ông H có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn, thuốc, vật tư nuôi trồng thuỷ sản còn nợ là 58.036.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Đối với yêu cầu tính lãi của Hộ kinh doanh M thì Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa Hộ kinh doanh M thực hiện theo Hợp đồng mua bán ngày 28/3/2023, trong đó tại Điều 6.5 của Hợp đồng có thống nhất với nhau về phần lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Tuy trong Hợp đồng không ghi rõ mức lãi suất nhưng có thỏa thuận lãi suất chậm trả được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng N quy định, nên việc yêu cầu tính lãi của Hộ kinh doanh M đối với số tiền nợ chưa thanh toán là 58.036.000 đồng từ ngày 27/7/2024 cho đến phiên tòa hôm nay ngày 30/9/2025 là 14 tháng 03 ngày với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp nên được chấp nhận. Cụ thể được tính như sau: 58.036.000 đồng x 0,83%/tháng x 14 tháng 03 ngày = 6.791.772 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí được tính cụ thể như sau: 58.036.000 đồng + 6.791.772 x 5% = 3.241.388 đồng; H3 lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T (là chủ Hộ kinh doanh Cửa Hàng M) đối với bị đơn ông Nguyễn Phi H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T (là chủ Hộ kinh doanh Cửa Hàng M) số tiền 64.827.772 (Sáu mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng (trong đó 58.036.000 đồng tiền nợ gốc và 6.791.772 tiền lãi phát sinh). Căn cứ vào Hợp đồng mua bán ngày 28/3/2023 giữa Hộ kinh doanh M và ông Nguyễn Phi H; Bản đối chiếu công nợ ngày 27/6/2024 giữa H2 kinh doanh Cửa Hàng M và ông Nguyễn Phi H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu số tiền trên chưa được thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.241.388 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.560.000 (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011992 ngày 28/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri

(Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

[4] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

[5] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Tâm